Họ và tên: ..... Lớp: 5....

Bài tập tư vấn tuần 8 – môn toán

I – KHOANH TRÒN CHỮ CÁI ĐẶT TRƯỚC CÂU TRẢ LỜI ĐÚNG

Câu 1. Cho các số thập phân: 12,05 ; 12,050 ; 12,005 ; 12,0500 ; 12,0005.

Những số thập phân bằng nhau là:

A. 12,05 = 12,050 = 12,005

C. 12,05 = 12,050 = 12,0500

B. 12,005 = 12,0005

D. 12,05 = 12,005 = 12,0500 = 12,0005

Câu 2. Số thập phân nào không bằng $\frac{18}{100}$?

A. 0,18 B. 0,018 C. 0,180 D. 0,1800

Câu 3. 75,59 …… 75,6

Dấu cần điền vào chỗ trống là:

A. > B. < C. =

Câu 4. $\overline{93,5x6} < 93,547$

Tất cả các chữ x có thể là:

A. 1 ; 2; 3

C. 0 ; 1; 2 ; 3; 4

B. 5 ; 6 ; 7 ; 8 ; 9

D. không có chữ số nào

Câu 5. 15km 25m = …… km

Số cần điền vào chỗ chấm là:

A. 1525 B. 15,025 C. 15025 D. 15,25

Câu 6. Dãy số nào được xếp theo thứ tự giảm dần?

A. 73,45 ; 57,34 ; 54,73 ; 45,73 ; 45,37

C. 64,103 ; 64,201; 46,201 ; 46,102 ; 42,601

B. 4,083 ; 4,038 ; 3,803 ; 3,038 ; 3,308

D. 0,579 ; 0,597 ; 0,759 ; 0,795 ; 0,957

Câu 7. 5hm 4m + 6dam 7m …… 5,71 hm

Dấu cần điền vào chỗ chấm là:

A. > B. < C. =

Câu 8. Cho $\overline{a4,b16} < 14,116$. a và b có giá trị là:

A. a = 1; b = 1 B. a = 1 ; b = 2 C. a = 0 ; b = 1 D. a = 1; b = 0

II – GIẢI CÁC BÀI TOÁN

LIVEWORKSHEETS

Bài 1. Viết các số sau theo thứ tự từ bé đến lớn:

9,576; 6,975; 7,694; 9,765; 7,956; 7,649; 6,795

* So sánh:

.....< .....< .....< .....< .....< .....< .....< .....<

* Sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn:

.....; .....; .....; .....; .....; .....; .....;

Bài 2. Tìm số tự nhiên x biết:

a) 12,45 < x < 15, 2

x =…….;……;.....

b) 0,125 < x < 1,25

x =…….

c) 53,408 < x < 54,12

x =…….

d) 9,486 > x > 7,749

x =……;…….

Bài 3. Quãng đường từ nhà Lan đến trường dài 1,25km. Mỗi ngày đi học, cả đi lẫn về Lan phải đi bao nhiêu mét ? Bao nhiêu ki lô mét?

Bài giải

……

……

……

……

Đáp số: .....m; .....km

Bài 4. Tính (ghi kết quả cuối cùng dưới dạng phân số tối giản)

a) $\frac{28\times36}{27\times14}$ = ...

b) $\frac{132\times45\times8}{25\times16\times99}$ =.....

LIVEWORKSHEETS